

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12-01-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Đào;

Bà Nông Thanh Thủy.

-T2 ký phiên toà: Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2021/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Vân A, sinh năm 1991, có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu Thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Anh Hà Minh T, sinh năm 1985, vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu Thường trú: Thôn C, xã Q, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Ngọc Lý – Cục C10 – Bộ Công an, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Việt D, có mặt;

2. Bà Nguyễn Thị T, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn C, xã Q, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021, các bản tự khai, biên bản phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị Vân A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Vân A và anh Hà Minh T được tự do tìm hiểu, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 11 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống chị và anh chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau 2 năm thì anh T đánh vào con đường mua bán ma T3y. Từ năm 2011 đến nay, anh T đã hai lần đi cải tạo, chấp hành án phạt tù. Chị A cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý, tỉnh Bắc Giang. Do chồng có suy nghĩ, lối sống không lành mạnh, không có ý thức suy nghĩ về việc làm lại cuộc đời, chăm sóc yêu T2ơng vợ con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai còn muốn yêu T2ơng chăm sóc ai nên chị Nông Thị Vân A viết đơn yêu cầu được ly hôn với anh Hà Minh T. Ngoài ra, chị không đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải theo quy định.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Hà Anh T1, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2009, cháu Hà Anh T2, sinh ngày 06 tháng 07 năm 2012 và cháu Nông Tăng Tuấn T3, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2017; khi ly hôn chị Nông Thị Vân A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con là cháu Hà Anh T2 và cháu Nông Tăng Tuấn T3 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; còn cháu Hà Anh T1 sẽ do bố mẹ đẻ anh T là ông Hà Việt D và bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Hà Anh T1 và chị A có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với tài sản chung, vay nợ chung, riêng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại đơn đề nghị gửi về Tòa án, anh T trình bày:

Anh Hà Minh T thừa nhận lời khai của chị Nông Thị Vân A về quan hệ hôn nhân. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên do anh đã đi chấp hành án đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị Nông Thị Vân A yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Về con chung, anh thừa nhận có 02 con chung là cháu Hà Anh T1, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2009, cháu Hà Anh T2, sinh ngày 06 tháng 07 năm 2012, khi ly hôn anh đề nghị bố mẹ của anh là ông Hà Việt D và bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Về cháu Nông Tăng Tuấn T3, anh không có yêu cầu xác nhận cha cho con. Về tài sản chung, vay chung, riêng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa cũng như tại biên bản làm việc ngày 06/12/2021, những người liên quan ông Hà Việt D và bà Nguyễn Thị T thừa nhận anh T đang đi chấp hành án nên không có điều kiện chăm sóc vợ con đúng như chị Nông Thị Vân A trình bày. Ông cũng trao đổi gọi điện với con trai, con trai điện thoại về nhất trí với bản tự khai và đề nghị xử vắng mặt. Đối với bà Nguyễn Thị T vắng mặt vì đang cách ly Covid, nhưng thống nhất ý kiến như ông. Do đó ông bà nhất trí với chị Nông Thị Vân A về việc ông, bà sẽ thay bố cháu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Anh T1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hai bên đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung của anh T và chị A.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Nông Thị Vân A đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Hà Minh T đã có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt gửi về Tòa án.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56; 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nông Thị Vân A được ly hôn với anh Hà Minh T; về con chung, giao 02 con chung là cháu Hà Anh T2 và cháu Nông Tăng Tuấn T3 cho chị Nông Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, còn cháu Hà Anh T1 sẽ do bố mẹ đẻ anh T là ông Hà Việt D và bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cả hai bên không cần cấp dưỡng tiền nuôi các con chung và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở; về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không yêu cầu giải quyết; về án phí, chị Nông Thị Vân A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nông Thị Vân A đăng ký nhân khẩu Thường trú tại: Thôn K, xã T, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn và anh Hà Minh T đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn C, xã Q, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án, theo hồ sơ vụ án xác định và quá trình xác minh đã xác định được: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị Vân A và anh Hà Minh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 05/11/2009, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống vào thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa thuận, hạnh phúc, sau đó hai năm, anh T vi phạm pháp luật dẫn đến phải chấp hành hình phạt tù do đánh vào con đường mua bán ma túy bằng hai bản án từ năm 2011 đến năm 2019. Bản án Hình sự sơ thẩm số 25/2019/HS-ST ngày 16/8/2019 xử phạt anh Hà Minh T 08 năm tù giam, đây là lần thứ hai anh T bị Tòa án xử phạt về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chị Nông Thị Vân A cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi, dẫn đến tình cảm của vợ dành cho chồng thay đổi. Do đó, lý do yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị chị A là hoàn toàn có căn cứ về mặt pháp luật và về mặt tình cảm, về nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, chị Nông Thị Vân A yêu cầu ly hôn anh Hà Minh T là có căn cứ. Mặt khác, anh Hà Minh T đã gửi cho Tòa án bản tự khai và nêu ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án, lời thừa nhận của anh T và chị Nông Thị Vân A trình bày về tình trạng, nguyên nhân dẫn đến ly hôn là phù hợp.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị Vân A và cho chị Nông Thị Vân A được ly hôn anh Hà Minh T.

[5] Về con chung: Chị Nông Thị Vân A và anh Hà Minh T có 03 con chung là cháu Hà Anh T1, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2009, cháu Hà Anh T2, sinh ngày 06 tháng 07 năm 2012 và cháu Nông Tăng Tuấn T3, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2017 vì đều được sinh trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, anh T chỉ thừa nhận có hai con chung, còn cháu Nông Tăng Tuấn T3 anh không thừa nhận, nhưng anh đã nêu rõ vì hiện chưa đủ điều kiện để yêu cầu giải quyết xác nhận con chung, con riêng nên anh chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này, do đó, Tòa án không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, anh vẫn có quyền được khởi kiện bằng vụ án riêng khi anh yêu cầu. Về nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung thấy rằng: Anh T yêu cầu nuôi hai con chung và đề nghị giao hai con chung là cháu Hà Anh T1 và Hà Anh T2 cho ông bà nội tức bố mẹ đẻ anh T chăm sóc nuôi dưỡng; ông Hà Việt D là bố đẻ của anh T nhất trí thay anh T nuôi cháu Hà Anh T1 đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu mẹ cháu có nghĩa vụ cấp dưỡng; chị Nông Thị Vân A nhất trí để ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Anh T1 đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Hà Anh T2 và cháu Nông Tăng Tuấn T3 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, các bên được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Do đó, ý kiến của chị Nông Thị Vân A và ý kiến của ông Hà Việt D là phù hợp cả về tình lẫn về lý, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các bên, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, đồng thời không chấp nhận ý kiến của anh Hà Minh T. Tuy nhiên, sau này anh T chấp hành xong hình

phạt tù, có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi dưỡng con chung theo quy định.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nông Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Vân A được ly hôn với anh Hà Minh T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Hà Anh T2, sinh ngày 06 tháng 07 năm 2012 và cháu Nông Tăng Tuấn T3, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2017 cho chị Nông Thị Vân A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Hà Anh T1, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2009 cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Việt D và bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Các bên đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung của anh T và chị A. Đồng thời có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị Vân A đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0006271, ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị Vân A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và anh Hà Minh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- UBND xã Q, huyện Tràng Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảy